

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 14/2018/HNGĐ-ST

Ngày 07-02-2018

V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ -TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Văn Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Lợi

2. Phan Thị Ánh Duyên

- Thư ký phiên toà: Ông Đỗ Trọng Tú - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê.

- Đại diện Viện kiểm sát huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà: ông Nguyễn Thanh Hải-Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê-tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 201/2017/TLST-HNGĐ ngày 14/11/2017 về việc: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2017/QĐST-HNGĐ ngày 29/12/2017, giữa các đương sự:

1-Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Y - sinh năm 1971

2-Bị đơn: Anh Đặng Ngọc V - sinh năm 1971

Địa chỉ: Đều ở Khu 3, xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/10/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Bùi Thị Y trình bày: Chị và anh Đặng Ngọc V tự nguyện kết hôn với nhau ngày 09/2/1994, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, vợ chồng ở chung với bố mẹ đẻ anh V tại xã P được 02 năm thì vợ chồng ra ở riêng và cũng từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh V thường xuyên uống rượu say và đánh, chửi vợ con, nhiều lần gây thương tích cho chị Y. Mặc dù đã được

hai bên gia đình và chính quyền địa phương nhiều lần khuyên giải nhưng anh V không thay đổi. Nay, xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chị Y yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh V.

Tại bản tự khai ngày 14 / 11/2017, bị đơn là anh Đặng Ngọc V trình bày: Về thời gian kết hôn đúng như lời trình bày trên của chị Bùi Thị Y. Theo anh V, mâu thuẫn vợ chồng mới phát sinh được khoảng 02 tháng. Nguyên nhân do không hợp nhau về quan điểm sống. Anh V xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhưng anh chưa muốn ly hôn, vì con trai của vợ chồng đi nước ngoài chưa về.

Về con chung: Hai bên trình bày vợ chồng có 02 con chung là là Đặng Ngọc Đ - sinh ngày 17/10/1994 (đã thành niên nên hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết) và Đặng Tiến A - sinh ngày 02/10/2001, hiện đang ở chung với vợ chồng. Nếu ly hôn, hai bên thỏa thuận là cháu A có nguyện vọng ở với ai thì người đó sẽ trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, các đương sự giữ nguyên quan điểm, yêu cầu đã trình bày.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến, xác định:

Về tổ tụng dân sự: Việc tuân theo pháp luật tổ tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tổ tụng dân sự từ khi thu lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tổ tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Y được ly hôn anh Đặng Ngọc V.
- Về con chung: Giao cho chị Bùi Thị Y trực tiếp nuôi con chung là Đặng Tiến A - sinh ngày 02/10/2001. Anh V không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị Y không yêu cầu.
- Về án phí: Chị Bùi Thị Y phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ và toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Bùi Thị Y và anh Đặng Ngọc V bảo đảm các quy định về điều kiện kết hôn và không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên, đó là hôn nhân hợp pháp. Kết quả thu thập chứng cứ cho thấy, quá trình chung sống, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh là do anh V nhiều lần uống rượu say và đánh chửi chị Y. Mặc dù chị Y nhiều lần tha thứ và anh V có hứa sửa chữa nhưng sau đó, anh V không thay đổi. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, nên việc chị Y yêu cầu ly hôn là có căn cứ, cần chấp nhận. Anh V không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn để vợ chồng đoàn tụ, nên yêu cầu của anh V không có căn cứ chấp nhận.

[2]. Về con chung: Con chung là Đặng Tiến A đã trên 7 tuổi, có nguyện vọng muốn được sống cùng chị Y, nên cần giao cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng con chung là phù hợp. Anh V không phải cấp dưỡng nuôi con, vì Y không yêu cầu.

[3]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức: Hai bên không yêu cầu, nên không đề cập giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Bùi Thị Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 56; Điều 58; Khoản 1, 2 Điều 81; Khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Y được ly hôn anh Đặng Ngọc V.

2. Về con chung:

2.1. Giao con chung là Đặng Tiến A - sinh ngày 02/10/2001 cho chị Bùi Thị Y trực tiếp nuôi dưỡng, kể từ tháng 02/2018 đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi).

2.2. Anh Đặng Ngọc V không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị Y không yêu cầu.

2.3. Chị Bùi Thị Y cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Đặng Ngọc V trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị Y phải chịu cả 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2017/002583 ngày 14/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê. Chị Y đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự (2b);
- VKSND huyện Cẩm Khê;
- UBND xã Phương Xá;
- Thi hành án dân sự;
- Lưu hồ sơ ;
- Lưu VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Vũ Văn Thắng